

TÌNH HÌNH DẬY THÌ VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN DẬY THÌ TRƯỚC 11 TUỔI Ở HỌC SINH NỮ LỚP 6 Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2020-2021

Ông Huy Thanh^{1*}, Nguyễn Trung Kiên², Nguyễn Tấn Đạt²

1. Bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ

2. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

*Email: drhuythanh146@gmail.com

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Dậy thì sớm không còn là vấn đề của các nước phát triển mà tỷ lệ này ngày càng tăng ở các nước đang phát triển, ảnh hưởng xấu đến sự phát triển thể chất và tinh thần của trẻ nhất là trẻ em gái. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu gồm 2 mục tiêu: 1) Xác định tỷ lệ dậy thì ở nữ học sinh lớp 6; 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6 tại các trường Trung học cơ sở tại thành phố Cần Thơ năm 2020-2021. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả có phân tích, được tiến hành trên 1072 học sinh nữ lớp 6 tại các trường trung học cơ sở tại Thành phố Cần Thơ năm 2020-2021. **Kết quả:** Trong số 1072 đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ học sinh nữ đã dậy thì chiếm 53%. Tuổi dậy thì trung bình là 10,55 tuổi. Dậy thì trước 11 tuổi chiếm 20,3% học sinh nữ. Sử dụng thường xuyên nước hoa, son môi là các yếu tố liên quan tình trạng dậy thì trước 11 tuổi ($p < 0,05$). **Kết luận:** Tỷ lệ dậy thì ở học sinh lớp 6 là 53%, dậy thì trước 11 tuổi là 20,3%. Môi trường sống, thường xuyên sử dụng nước hoa và son môi là các yếu tố được tìm thấy có liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở học sinh nữ.

Từ khóa: Dậy thì, học sinh, 11 tuổi.

ABSTRACT

PUBERTY AND SOME FACTORS RELATED TO PRECOCIOUS PUBERTY BEFORE 11 YEARS OF AGE AMONG SIX GRADE FEMALE SCHOOL STUDENTS IN CAN THO CITY IN 2020-2021

Ong Huy Thanh^{1}, Nguyen Trung Kien², Nguyen Tan Dat²*

1. Can Tho Pediatric Hospital

2. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Precocious puberty is no longer a problem of developed countries, but this rate is increasing in developing countries, adversely affecting the physical and mental development of children, especially girls. **Objectives:** The aims of this study are 1) determining the rate of puberty in grade six female students; and 2) exploring some factors related to precocious puberty in 11-year-old female students at junior secondary schools in Can Tho city in 2020-2021. **Materials and methods:** A cross-sectional study conducted among 1072 11-year-old female students at junior secondary schools in Can Tho City, data collection during May, 2021. **Results:** Among 1072 study subjects, the percentage of female students who had reached puberty accounted for 53%. The average age of puberty is 10.55 years of age. In which, female students with puberty before 11 years of age was 20.3%. Frequent use of lipstick and perfume are risk factors for puberty before 11 years of age ($p < 0.05$). **Conclusion:** The rate of puberty in 6th grade students was 53%, and puberty before 11 years of age accounted for 20.3%. Living environment and chemicals were factors related to epuberty before 11 years in female students.

Keywords: Puberty, students, 11 year-old.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đậy thì là một giai đoạn phát triển vượt bậc về các chỉ số hình thái của cơ thể, các tuyến nội tiết đặc biệt là tuyến sinh dục đã thành thực và bắt đầu có khả năng sinh sản [1]. Dưới góc độ sinh lý học, tuổi dậy thì là thời kỳ cơ quan sinh dục đã thành thực và bắt đầu có khả năng sinh con [2]. Trong giai đoạn này con người phải trải qua những biến đổi lớn về cấu trúc cơ thể, về chức năng cũng như các hành vi. Dậy thì là thời kỳ quá độ chuyển biến từ trẻ em sang người trưởng thành, tuy nhiên về hành vi trong giai đoạn này có những biến đổi bất thường, những biểu hiện chứng tỏ đã có những thay đổi nhưng vẫn còn biểu hiện chứng tỏ không là một trẻ con nhưng vẫn chưa hẳn là một người lớn, là thời kỳ mà bất cứ một thiếu niên nào cũng phải trải qua những biến đổi quan trọng [3].

Trong một nghiên cứu ở học sinh nữ 8-11 tuổi tại nội ô thành phố Hồ Chí Minh năm 2008 cho thấy tuổi dậy thì trung bình là 9,75 ($\pm 0,55$) tuổi và có 13,9% trẻ dậy thì ở tuổi từ 8-11 [4]. Một số công trình nghiên cứu cho thấy rằng, có ba yếu tố chính dẫn đến dậy thì sớm (từ 11 tuổi trở xuống) như: hoàn cảnh kinh tế khá giả, béo phì, cân nặng lúc sinh cao, nơi cư trú, thứ tự và số con trong gia đình, tuổi dậy thì của mẹ, xem tivi hay chơi game trên máy tính [5]. Trong một nghiên cứu của Bùi Thị Tịnh ở tỉnh Vĩnh Long năm 2012 cho thấy, có 47,2% học sinh dậy thì từ 11 tuổi trở xuống, đặc biệt có 0,8% và 3,3% trẻ dậy thì ở lứa tuổi 8 và 9 [6]. Nếu tuổi dậy thì trung bình xảy ra sớm thì những hệ lụy cũng sẽ xảy ra sớm, trong đó có những ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển tinh thần và trí tuệ của trẻ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp thu, tập trung và cụ thể là thành tích học tập.

Tại thành phố Cần Thơ, trung tâm của Đồng bằng sông Cửu Long, trong những năm qua công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên đã được thành phố dành rất nhiều sự quan tâm. Tuy nhiên chủ yếu những hoạt động này chưa dành nhiều thời gian cho vấn đề chăm sóc khỏe sinh sản của các bé gái ở lứa tuổi dậy thì. Chính vì những lý do đó, chúng

tôi thực hiện “Nghiên cứu tình hình dậy thì và tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6 tại các trường Trung học cơ sở tại thành phố Cần Thơ năm 2020-2021”, với 2 mục tiêu: 1) Xác định tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6; 2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6 tại các trường Trung học cơ sở tại thành phố Cần Thơ năm 2020-2021.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Học sinh nữ, lớp 6 đang theo học tại các trường Trung học cơ sở tại thành phố Cần Thơ.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Học sinh nữ lớp 6 đang theo học tại các trường Trung học cơ sở tại thành phố Cần Thơ. Đồng ý tham gia nghiên cứu: có sự đồng thuận của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm, gia đình và học sinh.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Học sinh nữ không học lớp 6, vắng mặt hoặc không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả có phân tích.

- **Cỡ mẫu:** 1072 nữ học sinh được chọn vào nghiên cứu theo phương pháp thu mẫu toàn bộ trong thời gian từ tháng 6 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021.

- **Công thức tính cỡ mẫu:** Được tính theo công thức ước tính tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p \times (1 - p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu nghiên cứu cần có.

d là Sai số d mong muốn là 4% (d = 0,04).

Z=1,96 ($\alpha=0,05$; mức tin cậy mong muốn là 95%).

p=0,697, là tỷ lệ dậy thì ở nữ sinh trung học cơ sở trong nghiên cứu tuổi dậy thì và các yếu tố liên quan của tác giả Bùi Thị Tịnh tiến hành ở tỉnh Vĩnh Long năm 2012 [6].

- **Phương pháp chọn mẫu:** Chọn mẫu nhiều giai đoạn bằng bốc thăm ngẫu nhiên, giai đoạn 1 chọn quận/huyện thu thập số liệu, giai đoạn 2 chọn cụm trường lấy mẫu.

- Nội dung nghiên cứu

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu: tuổi có kinh của mẹ, nơi sống, cân nặng lúc sinh, dân tộc, tôn giáo, kinh tế gia đình, kiểu gia đình, kiểu nhà ở.

Tình hình dậy thì trước 11 tuổi: tỷ lệ nữ học sinh đã dậy thì, tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi theo tuổi dậy thì của Guyton and Hall, đặc điểm của chu kỳ kinh nguyệt (số ngày hành kinh, số ngày chu kỳ kinh, rong kinh).

Tìm hiểu mối liên quan giữa dậy thì trước 11 tuổi với nơi sống, sử dụng hoá mỹ phẩm (sử dụng son môi, nước hoa).

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Phỏng vấn bằng bộ câu hỏi tự điền soạn sẵn sau khi được sự đồng ý của nhà trường, gia đình và học sinh.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu sau khi thu thập sẽ kiểm tra tính đầy đủ, chính xác. Sau đó được xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Các biến định lượng được trình bày dưới dạng giá trị trung bình \pm độ lệch chuẩn đối với phân phối chuẩn (hoặc trung vị, giá trị tối đa tối thiểu nếu phân phối không chuẩn). Các biến số định tính sẽ được thể hiện bằng tần số, tỉ lệ phần trăm. Test thống kê: phép kiểm t-test để so sánh trung bình giữa hai nhóm nếu phân phối chuẩn. Phép kiểm chi bình phương được sử dụng để tìm mối liên

hệ giữa hai hay nhiều biến phân loại (hoặc kiểm định chính xác Fisher khi có tần số kỳ vọng < 5 trên 20%). Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê khi $p \leq 0,05$.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

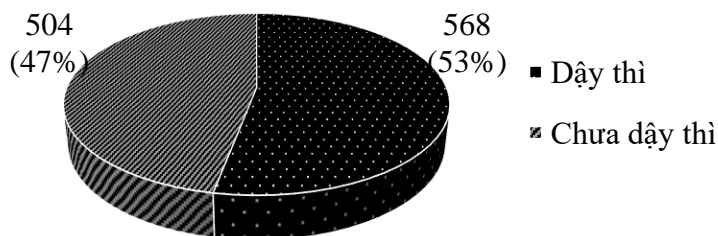
3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm (n=1072)	Giá trị
Tuổi có kinh của mẹ (TB (ĐLC))	
Tuổi mẹ hiện tại	39,81 (5,265)
Tuổi có kinh của mẹ	14,15 (1,824)
Nơi sống (số lượng (%))	
Quận Bình Thủy	212 (19,8)
Huyện Cờ Đỏ	300 (28,0)
Quận Ninh Kiều	173 (16,1)
Huyện Thốt Nốt	387 (36,10)
Cân nặng lúc sinh của học sinh (gram)	3100 (nhỏ nhất: 1200 – lớn nhất: 4800)
Tuổi thai lúc sinh (tuần)	37 (nhỏ nhất: 27 – lớn nhất: 40)
Dân tộc (số lượng (%))	
Kinh	1060 (98,9)
Khmer	12 (1,1)
Tôn giáo (số lượng (%))	
Không	360 (33,6)
Phật giáo	507 (47,3)
Thiên chúa	49 (4,6)
Hòa hảo	156 (14,6)
Kinh tế gia đình (số lượng (%))	
Nghèo	62 (5,8)
Cận nghèo	90 (8,4)
Không nghèo	920 (85,4)
Kiểu gia đình (số lượng (%))	
Hạt nhân	544 (50,7)
Từ 3 thế hệ	528 (49,3)
Kiểu nhà ở (số lượng (%))	
Nhà lá	44 (4,1)
Nhà tôn	345 (32,2)
Nhà xây trệt	489 (45,6)
Nhà xây lầu	194 (18,1)

Nhận xét: Tuổi trung bình của mẹ là 39,81 tuổi, trung bình tuổi mẹ xuất hiện kinh nguyệt lần đầu là 14,15 tuổi. Số lượng học sinh tập trung chủ yếu ở 2 quận là Thốt Nốt và Cờ Đỏ chiếm tỷ lệ lần lượt là 35,1 và 28,0%. Cân nặng trung vị ở mức 3100 gram, biến thiên trong khoảng từ 1200 đến 4800 gram. Tuổi thai trung vị là 37 tuần, nằm trong khoảng từ 27-40 tuần. Gia đình đối tượng nghiên cứu chủ yếu theo Phật giáo, chiếm đến 47,3%, kế đến là nhóm Không theo tôn giáo, chiếm 33,6%, Hòa Hảo chiếm 14,6% và ít nhất là Thiên chúa giáo, chiếm 4,6%. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo chiếm khoảng 15% trong số đối tượng, còn lại 85,4% thuộc diện không nghèo. Kiểu gia đình hạt nhân và kiểu gia đình từ 3 thế hệ trở lên chiếm tỷ lệ xấp xỉ nhau và gần bằng 50%. Nhà xây trệt chiếm tỷ lệ chủ yếu, chiếm 45,6%. Kế đến là nhà tôn, chiếm tỷ lệ 32,2%. Nhà lá chiếm tỷ lệ thấp nhất là 4,1%.

3.2. Tình hình dậy thì ở nữ học sinh lớp 6



Biểu đồ 1: Tỷ lệ dậy thì của học sinh nữ

Tỷ lệ học sinh nữ dậy thì chiếm 53,0% (n=568) và chưa dậy thì chiếm 47,0% (n=504).

Bảng 2. Tuổi bắt đầu dậy thì ở nữ học sinh

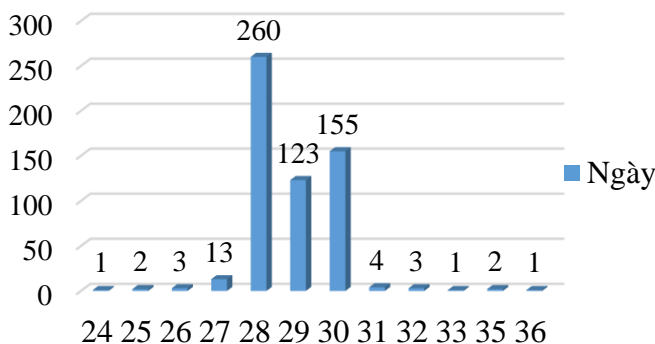
Tuổi dậy thì (n=568)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
6	1	0,2
8	2	0,4
9	32	5,6
10	183	32,2
11	350	61,6
Trung bình (ĐLC)	10,55 (0,646)	
Tổng	568	100,0

Nhận xét: Tuổi dậy thì chủ yếu ở lứa tuổi từ 10 đến 11 tuổi, chiếm tỷ lệ lần lượt là 32,2% và 61,6%

Bảng 3. Đặc điểm của chu kì kinh nguyệt

Đặc điểm (n=568)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	
Số ngày hành kinh	1 – 3 ngày	32	5,6
	4 – 6 ngày	356	62,7
	≥ 7 ngày	180	31,7
Kinh đều	Có	281	49,5
	Không	287	50,5
Rong kinh	Có	220	38,7
	Không	348	61,3
Tổng	568	100,0	

Nhận xét: Số ngày hành kinh chủ yếu kéo dài khoảng 4-6 ngày, chiếm 62,7%. Một nửa số học sinh đã dậy thì có chu kì kinh đều đặn, trong đó rong kinh chiếm 38,7% tổng số học sinh nữ.



Biểu đồ 2: Chu kỳ kinh của học sinh nữ dậy thì

Nhận xét: Chu kỳ kinh của học sinh dậy thì kéo dài 28 ngày, chiếm 45,8%, kể đến là 29 ngày và 30 ngày chiếm 48,9%. Ngoài ra, chu kỳ kinh ngắn nhất là 24 ngày và dài nhất là 36 ngày.

Bảng 4. Tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi ở học sinh nữ lớp 6

Dậy thì trước 11 tuổi (n=568)	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Dậy thì trước 11 tuổi	218	20,3
Không dậy thì trước 11 tuổi	854	79,7
Tổng	1072	100,0

Nhận xét: Tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi của học sinh lớp 6 là 20,3% và không dậy thì trước 11 tuổi là 79,7%.

3.3. Một số yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở học sinh nữ lớp 6

Bảng 5. Một số yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở học sinh nữ lớp 6

	Có n (%)	Không n (%)	OR (KTC 95%)	p
Nơi sống				
Quận Bình Thủy	49 (23,1)	163 (76,9)	2,29 (1,46-3,57)	<0,001
Huyện Cờ Đỏ	53 (17,7)	247 (82,3)	1,63 (1,06-2,51)	0,026
Quận Ninh Kiều	71 (41,0)	102 (59,0)	5,29 (3,43-8,17)	<0,001
Huyện Thốt Nốt	45 (11,6)	342 (88,4)	-	-
Dùng nước hoa				
Hàng ngày	48 (25,9)	137 (74,1)	1,51 (1,01-2,26)	0,042
Từ 3-5 lần/tuần	28 (24,3)	87 (75,7)	1,39 (0,86-2,26)	0,181
Từ 1-2 lần/tuần	52 (17,7)	241 (82,3)	0,93 (0,64-1,36)	0,717
Không	90 (18,8)	389 (81,2)	-	-
Dùng son môi				
Hàng ngày	24 (27,6)	63 (72,4)	1,77 (1,07-2,93)	0,027
Từ 3-5 lần/tuần	14 (20,0)	56 (80,0)	1,16 (0,63-2,15)	0,637
Từ 1-2 lần/tuần	47 (28,5)	118 (71,5)	1,85 (1,26-2,72)	0,002
Không	133 (17,7)	617 (82,3)	-	-
Tổng	218 (20,3)	854 (79,7)		

Nhận xét: Quận Ninh Kiều là quận có tỷ lệ học sinh nữ lớp 6 dậy thì trước 11 tuổi cao nhất, chiếm 41% trong tổng số học sinh nữ, quận Thốt Nốt là địa phương có tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi thấp nhất, chiếm 11,6% trong tổng số học sinh, tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi giữa các địa phương khác biệt có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,001$). Học sinh nữ dùng nước hoa hàng ngày có tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi cao hơn so với nhóm không dùng nước hoa. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p = 0,042$. Học sinh nữ sử dụng son môi thường xuyên có tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi cao hơn so với nhóm không sử dụng, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

IV. BÀN LUẬN

4.1. Đặc điểm chung

Tuổi trung bình của mẹ là 39,8 tuổi với tuổi có kinh trung bình là 14 tuổi, phân bố rải rác tại 4 quận/huyện trên địa bàn thành phố Cần Thơ là Bình Thủy, Cờ Đỏ, Ninh Kiều và Thốt Nốt. Học sinh nữ có tiền sử sản khoa phù hợp, với cân nặng sơ sinh trung bình 3100gram và tuổi thai trung bình đạt 37 tháng tuổi.

Địa bàn nghiên cứu thuộc thành phố Cần Thơ, nguồn dân cư chủ yếu là người Kinh chiếm đại đa số, đạt 98,9%, còn lại là dân tộc Khmer chiếm 1,1%. Các gia đình hầu hết theo Phật giáo, chiếm 47,3%, kể đến là Lương giáo chiếm 33,6%. Hoà Hảo và Thiên Chúa chiếm

lần lượt là 14,6% và 4,6%. Thu nhập của các gia đình chủ yếu từ mức trung bình khá trở lên, chiếm 85,4%, chỉ có chưa đến 15% đối tượng thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo.

Mô hình các gia đình theo kiểu hạt nhân và từ 3 thế hệ trở lên có tỷ lệ gần bằng nhau, phù hợp với đặc điểm văn hoá xã hội của Việt Nam nói chung và miền Tây nói riêng.

4.2. Tỷ lệ dậy thì và dậy thì ở nữ học sinh lớp 6

Trong số 1072 đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ học sinh nữ đã dậy thì chiếm 53% trong khi tỷ lệ chưa dậy thì chiếm 47%. Tuổi dậy thì trải dài từ 8 đến 11 tuổi. Tuổi dậy thì trung bình là 10,55 tuổi, thấp hơn so với nghiên cứu của Phạm Thị Minh Đức và cộng sự nghiên cứu tuổi dậy thì của nữ sinh cho thấy tuổi có kinh lần đầu là $13,07 \pm 1,02$ [7], tuy nhiên kết quả này cao hơn so với một nghiên cứu ở học sinh nữ 8-11 tuổi tại nội ô thành phố Hồ Chí Minh năm 2008 cho thấy tuổi dậy thì trung bình là 9,75 ($\pm 0,55$) tuổi và có 13,9% trẻ dậy thì ở tuổi từ 8-11 [8]. Tp Cần Thơ và Tp. Hồ Chí Minh đều là các thành phố trực thuộc trung ương, các đặc điểm về kinh tế, xã hội có mặt tương đồng dù mức độ đô thị hoá khác nhau. Độ tuổi dậy thì 10 và 11 tuổi chiếm đa số với hơn 93% các trường hợp. Học sinh dậy thì sớm được định nghĩa là tuổi dậy thì trước 11 tuổi, qua nghiên cứu, tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi của học sinh lớp 6 ghi nhận được trên địa bàn 04 quận/huyện chiếm 20,3% trong tổng số học sinh đã dậy thì. Hầu hết học sinh vừa trải qua giai đoạn đầu của dậy thì, do đó chu kỳ kinh nguyệt chưa thật sự ổn định. Ngày hành kinh trung bình là 4-6 ngày chiếm 62,7%, còn lại là hành kinh trên 7 ngày chiếm phần lớn (31,7%). Chu kỳ kinh nguyệt tương đối đều, đa số học sinh có chu kỳ kinh kéo dài từ 28 đến 30 ngày, chiếm 95,7% tổng số học sinh đã dậy thì, chu kỳ thấp nhất được ghi nhận là 24 ngày và dài nhất là 36 ngày. Đặc điểm chung của các chu kỳ kinh này không đều, chiếm 50,5%, còn lại 49,5% học sinh có kinh đều hàng tháng. Rong kinh được phát hiện ở 38,7% học sinh.

4.3. Các yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6

Trong các yếu tố liên quan đến dậy thì trước 11 tuổi được khảo sát, có sự khác nhau về tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi giữa các quận/ huyện. Quận Ninh Kiều là quận trung tâm của Tp. Cần Thơ, có tỷ lệ trẻ dậy thì trước 11 tuổi cao nhất, chiếm 41% tổng số trẻ trên địa bàn, quận Thốt Nốt là quận xa trung tâm thành phố nhất, có tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi thấp nhất, chỉ chiếm 11,6%. Điều này phù hợp so với các nghiên cứu trước đó [9]. Qua đó có thể thấy tốc độ đô thị hoá, lối sống hiện đại và năng động tại các trung tâm đô thị có thể ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý của học sinh. Cần thêm các nghiên cứu tiếp theo về dậy thì giữa thành thị và nông thôn. Sự khác biệt về tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi ở các quận/huyện có ý nghĩa thống kê (với $p < 0,001$).

Kết quả thống kê cũng cho thấy, những học sinh sử dụng nước hoa, son môi thường xuyên có tỷ lệ dậy thì trước 11 tuổi cao hơn so với nhóm còn lại ($p < 0,05$). Các loại hoá chất như son môi và đồ nhựa cũng đã được chứng minh có mối liên hệ trực tiếp với tình trạng dậy thì trước 11 tuổi của trẻ em, nhất là trẻ em gái. Phthalate là một chất phụ gia công nghiệp được thêm vào nhựa hoặc son, nó làm tăng hoạt tính estrogen và kháng androgen có thể ảnh hưởng đến thụ thể và vùng trục hạ đồi-tuyến yên-tuyến sinh dục (HPG) [10].

V. KẾT LUẬN

Trong số 1072 đối tượng nghiên cứu, tỷ lệ học sinh nữ đã dậy thì chiếm 53%. Tuổi dậy thì trung bình là 10,55 tuổi. Trong đó dậy thì trước 11 tuổi ở học sinh lớp 6 chiếm 20,3% học sinh nữ. Sử dụng thường xuyên nước hoa, son môi là các yếu tố liên quan đến tình trạng dậy thì trước 11 tuổi ở nữ học sinh lớp 6.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Quang Long (1991), Sinh lý sinh sản, Bài giảng sinh lý người và động vật, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
2. Bộ môn sinh lý học (2004), Sinh lý sinh sản, Sinh lý sinh sản người và gia súc, tài liệu lưu hành nội bộ, trường Đại học Quy Nhơn.
3. Nguyễn Thu Nhạn, Cao Quốc Việt, Nguyễn Nguyệt Nga và cộng sự (1996), Nghiên cứu về tuổi dậy thì của người Việt Nam, Kết quả bước đầu nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh học người Việt Nam, NXB y học, Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Kiều Oanh (2008), Tuổi dậy thì và các yếu tố liên quan ở học sinh nữ 8-11 tuổi tại nội thành TP. HCM, Luận văn thạc sỹ y học, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thị Mai Trang (2003), Tuổi có kinh lần đầu của nữ sinh trung học cơ sở và một số yếu tố ảnh hưởng tại tỉnh Long An, Luận văn thạc sỹ y học, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
6. Bùi Thị Tịnh (2012), Tuổi dậy thì và các yếu tố liên quan ở nữ sinh trung học cơ sở ở tỉnh Vĩnh Long, Luận án chuyên khoa II, Trường Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh.
7. Phạm Thị Minh Đức, Lê Thu Liên, Phùng Thị Liên và cộng sự (1996), Nghiên cứu về chức năng sinh sản và sinh dục của người Việt Nam, Kết quả bước đầu nghiên cứu một số chỉ tiêu sinh học người Việt Nam, NXB Y học, Hà Nội.
8. Phạm Thị Thu Sa và cộng sự (1998), Bước đầu nghiên cứu kinh nguyệt của phụ nữ dân tộc Kinh và Êđê sống ở thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Krông Pach và CưMgar tỉnh Đắk Lắk, Dự án điều tra cơ bản về một số chỉ tiêu sinh học của người Việt Nam, Báo cáo tổng kết một số chỉ tiêu sinh học của người bình thường tại khu vực Tây Nguyên.
9. Lucaccioni, L., *et al.* (2020), Endocrine-Disrupting Chemicals and Their Effects during Female Puberty: A Review of Current Evidence, *Int J Mol Sci.* 21(6), pp. 2078.

(Ngày nhận bài: 30/8/2021 - Ngày duyệt đăng: 24/9/2021)
